

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2023

Số: **18** /CV-QLQ-KTTC
V/v: giải trình LNSTTNDN kỳ báo cáo thay
đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ điểm 1 Điều 22 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,

Căn cứ Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022 của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin giải trình số liệu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý IV/2022 thay đổi so với số liệu cùng kỳ năm trước như sau:

Chỉ tiêu	Quý IV/2022 (đồng)	Quý IV/2021 (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.429.932.979	(7.512.103.721)	

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý IV/2022 tăng 16,9 tỷ so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý IV/2021 chủ yếu là do nguyên nhân sau: Doanh thu hoạt động tài chính tăng 32,6 tỷ đồng (tăng 2.304,4%) so với doanh thu hoạt động tài chính Quý IV/2021

Vậy Công ty xin giải trình như trên để Quý Ủy ban được rõ!

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ VIETINBANK
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Hải Sâm

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5 - 6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

60 -
CỘNG
HÀNH
THÁ
JAN L
HÀ
NG T
VIỆT
KIỂM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu quý
1	2	3	4	5
Tài sản	A			
A. Tài sản ngắn hạn	100		214.410.576.486	208.219.951.564
1. Tiền và tương đương tiền	110	5	137.563.874.913	108.853.533.356
- Tiền	111		41.597.644	152.614.827
- Tương đương tiền	111		137.522.277.269	104.700.918.529
- Tiền gửi có kỳ hạn	111			4.000.000.000
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	75.679.126.000	97.244.588.667
- Đầu tư ngắn hạn	121		105.657.897.494	105.657.897.494
Đầu tư ngắn hạn	122		105.657.897.494	105.657.897.494
Đầu tư ngắn hạn khác	128			
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(29.978.771.494)	(8.413.308.827)
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.163.225.573	1.390.924.741
- Trả trước cho người bán	132			225.000.000
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	1.163.225.573	940.527.481
- Các khoản phải thu khác	135	8		225.397.260
- Các khoản phải thu khác	35A			225.397.260
4. Hàng tồn kho	140			
5. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.350.000	730.904.800
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	3.960.000	
- Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	10		334.000.000
- Tài sản ngắn hạn khác	158	11	390.000	396.904.800
B. Tài sản dài hạn	200		195.826.645.097	190.952.103.358
1. Các khoản phải thu dài hạn	210			
2. Tài sản cố định	220		643.519.685	267.877.629
2.1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	200.374.524	267.877.629
- Nguyên giá	222		5.982.634.700	5.982.634.700
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.782.260.176)	(5.714.757.071)
2.3. Tài sản cố định vô hình	227	13	443.145.161	
- Nguyên giá	228		808.708.000	358.708.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(365.562.839)	(358.708.000)
2.4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	194.713.658.727	190.306.901.733
- Đầu tư dài hạn khác	253		211.500.000.000	211.500.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(16.786.341.273)	(21.193.098.267)
4. Tài sản dài hạn khác	260		469.466.685	377.323.996
- Chi phí trả trước dài hạn	261		454.466.685	362.323.996
- Các khoản ký quỹ, ký cược	264		15.000.000	15.000.000
Tổng tài sản	270		410.237.221.583	399.172.054.922

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu quý
1	2	3	4	5
Nguồn vốn	B			
A. Nợ phải trả	300		6.031.743.011	442.352.775
I. Nợ ngắn hạn	310		6.031.743.011	442.352.775
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		2.807.136	
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	10	307.248.071	31.900.086
5. Phải trả người lao động	315		2.544.368.730	1.190.428
6. Chi phí phải trả	316		87.037.037	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319		223.393.385	305.770.163
9. Dự phòng ngắn hạn phải trả	320			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.866.888.652	103.492.098
II. Nợ dài hạn	330			
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400		404.205.478.572	398.729.702.147
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410	15	300.000.000.000	300.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		30.691.810.009	27.867.412.470
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		23.862.826.083	21.038.428.544
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		49.650.842.480	49.823.861.133
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	430		410.237.221.583	399.172.054.922

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

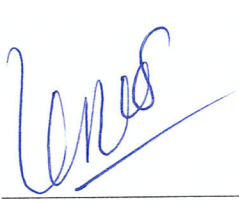
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu quý
1	2	3	4	5
Chỉ tiêu	C			
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	C			
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		88.336.646.000	46.774.400.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		88.336.646.000	46.774.400.000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		207.300.000.000	248.862.246.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	16	2.836.242.341	1.905.259.546
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2.817.262.794	1.894.717.723
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		18.979.547	10.541.823
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	17	854.517.416.695	715.752.416.695
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	17.1	850.928.978.563	712.163.978.563
9.1. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042	17.2	3.588.438.132	3.588.438.132
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050			
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	18	1.752.411.656	1.102.859.644
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN ỦY THÁC	052		855.601.217.380	716.554.816.597


Đào Thị Yến
Người lập biểu


Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng


Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Q4/2022	Q4/2021	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2	3	4
1. Doanh thu	01	19	719.401.877	2.487.131.659	4.135.520.735	6.098.197.466
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần (10 = 01-02)	10		719.401.877	2.487.131.659	4.135.520.735	6.098.197.466
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	20	5.304.014	2.103.541.624	21.201.169	2.398.751.664
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		714.097.863	383.590.035	4.114.319.566	3.699.445.802
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	34.112.126.015	1.480.284.135	38.102.677.676	64.328.103.683
7. Chi phí tài chính	22	22	17.164.492.719	(2.407.674.165)	19.370.799.292	(25.504.960.685)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	7.765.562.943	11.334.834.062	20.621.659.475	25.025.979.748
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30		9.896.168.216	(7.063.285.727)	2.224.538.475	68.506.530.422
10. Thu nhập khác	31				20.000.000	
11. Chi phí khác	32		11.525.891	111.769.005	18.875.891	111.769.005
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(11.525.891)	(111.769.005)	1.124.109	(111.769.005)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.884.642.325	(7.175.054.732)	2.225.662.584	68.394.761.417
14. Thuế TNDN hiện hành	51	24	454.709.346	337.048.989	454.709.346	11.906.810.644
15. Thuế TNDN hoãn lại	52					
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.429.932.979	(7.512.103.721)	1.770.953.238	56.487.950.773

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam
34 Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02a-CTQ
Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính

Đào Thị Yến
Người lập biểu

Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng



Phan Hải Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.225.662.584	68.394.761.417
+ Doanh thu	0101		2.225.662.584	68.394.761.417
2. Điều chỉnh cho các khoản			(18.517.926.173)	(36.695.356.450)
- Khấu hao tài sản cố định	02		279.658.485	336.622.460
- Các khoản dự phòng	03		19.304.924.156	(26.288.978.422)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(38.102.508.814)	(10.743.000.488)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(16.292.263.589)	31.699.404.967
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.894.957.034	(942.321.710)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(390.000)	95.106.565.765
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(3.702.158.092)	2.519.707.614
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		338.956.083	(534.650.125)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.517.588.663)	(8.908.250.163)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		51.000.000	53.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.124.260.000)	(1.026.810.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.351.747.227)	117.966.645.648
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(450.000.000)	(35.999.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		33.360.471.900	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.592.920.700	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.955.692.796	9.721.615.080
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.540.914.604)	9.685.616.080

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp Theo)

Cho kỳ hoạt động năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(6.957.293.571)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			(6.957.293.571)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(26.892.661.831)	120.694.968.157
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		164.456.536.744	43.761.568.587
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	6101			
- tăng				
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	6102			
- giảm				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31	137.563.874.913	164.456.536.744

Đào Thị Yến
Người lập biểu

Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng



Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Kỳ này	Kỳ trước		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	27.867.412.470	27.867.412.470	-	2.824.397.539	27.867.412.470	30.691.810.009
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.038.428.544	21.038.428.544	-	2.824.397.539	21.038.428.544	23.862.826.083
Lợi nhuận chưa phân phối	8.240.900.771	49.823.861.133	57.215.233.674	(7.973.293.571)	57.482.840.874	49.650.842.480
Tổng cộng	357.146.741.785	398.729.702.147	57.215.233.674	(7.973.293.571)	406.388.681.888	404.205.478.572

Đơn vị tính: VND


Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng


Phạm Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính quý này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quý kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty con do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010, sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 11 năm 2021. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 300.000.000.000 VND.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 phố Cửa Nam, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 37 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 41 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính quý

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán quý và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Một số chỉ tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được phân loại lại trên báo cáo kỳ này để phục vụ mục đích so sánh như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 4/2022	Mã số	Kỳ trước	Phân loại lại	Kỳ trước (Phân loại lại)
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		95.106.565.765	95.106.565.765
Giảm hàng tồn kho	10	95.106.565.765	(95.106.565.765)	

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính quý

Báo cáo tài chính quý kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 ("Thông tư 125") do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý.

Báo cáo tài chính quý kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính quý, kết quả hoạt động kinh doanh quý, tình hình lưu chuyển tiền tệ quý và tình hình biến động vốn chủ sở hữu quý theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính quý này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư 114 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý của Công ty trong kỳ hoạt động bao gồm:

- Quy định việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Quy định việc sử dụng số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48 hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi. Thông tư 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Công ty đã áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính quý tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính quý yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính quý cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro được xác định theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và các khoản đầu tư khác. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được xác định là chênh lệch giữa giá chứng khoán thực tế trên thị trường với giá trị chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 24 và Thông tư số 114.

Giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính quý.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính quý do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường, chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày đánh giá lại hoặc chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn vào các đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ theo quy định tại Thông tư số 48 và Thông tư số 114. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

	Số năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5
Phương tiện vận tải	6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản là 3 năm.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở vốn thực góp của chủ sở hữu tại Công ty theo tổng số vốn điều lệ đã được đăng ký.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển về cho chủ sở hữu theo quyết định của chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và Công ty Đầu tư chứng khoán, hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.
- Doanh thu lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.
- Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán với giá vốn bình quân của chứng khoán.
- Cổ tức nhận được bằng tiền được ghi nhận khi quyền được nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác định. Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu là các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần thì không ghi tăng giá trị cổ phiếu được nhận và không ghi nhận là thu nhập hoạt động tài chính trong báo cáo tài chính quý mà chỉ theo dõi số cổ phiếu tăng thêm theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu quý VND
Tiền mặt	41.597.644	152.614.827
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	137.522.277.269	104.700.918.529
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
	137.563.874.913	108.853.533.356

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam
Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu quý	
	VND		VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu	4.677.440	55.657.897.494	4.677.440	55.657.897.494
<i>Cổ phiếu bị giảm giá</i>				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecccons	32.440	6.085.267.230	32.440	6.085.267.230
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2	-	-	-	-
Cổ phiếu Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	290.000	5.655.000.000	290.000	5.655.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	4.355.000	43.917.630.264	4.355.000	43.917.630.264
Đầu tư khác	4.156.224,6	50.000.000.000	4.156.225	50.000.000.000
Chứng chỉ quỹ Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam	4.156.224,6	50.000.000.000	4.156.224,6	50.000.000.000
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</i>		<i>(29.978.771.494)</i>		<i>(8.413.308.827)</i>
	8.833.664,6	75.679.126.000	8.833.664,6	97.244.588.667

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối kỳ	Số đầu quý
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng (xem Thuyết minh số 15)	1.109.499.681	44.496.182
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	46.225.892	896.031.299
Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác	7.500.000	-
	1.163.225.573	940.527.481

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu quý
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	-	11.397.260
Các khoản phải thu khác	-	214.000.000
	-	225.397.260

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu quý
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.960.000	-
	3.960.000	-

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu quý</u> VND	<u>Số phải nộp</u> <u>/thu trong kỳ</u> VND	<u>Số đã thực</u> <u>nộp</u> <u>/thu trong</u> <u>kỳ</u> VND	<u>Số cuối kỳ</u> VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	334.000.000	-	-	334.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
	<u>334.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>334.000.000</u>
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	4.260.480	796.504	5.056.984	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	454.709.346	334.000.000	120.709.346
Thuế thu nhập cá nhân	27.639.606	230.823.971	71.924.852	186.538.725
	<u>31.900.086</u>	<u>686.329.821</u>	<u>410.981.836</u>	<u>307.248.071</u>

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu quý</u> VND
Tạm ứng		396.904.800
Công cụ, dụng cụ	390.000	-
	<u>390.000</u>	<u>396.904.800</u>

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam
Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH/VÔ HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	4.957.735.700	1.024.899.000	5.982.634.700
Số dư cuối kỳ	4.957.735.700	1.024.899.000	5.982.634.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4.567.875.445	941.581.085	5.509.456.530
Khấu hao trong kỳ	240.112.620	32.691.026	272.803.646
Số dư cuối kỳ	4.807.988.065	974.272.111	5.782.260.176
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu kỳ	389.860.255	83.317.915	473.178.170
Số dư cuối kỳ	149.747.635	50.626.889	200.374.524

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	358.708.000	358.708.000
Tăng do mua mới	450.000.000	450.000.000
Số dư cuối kỳ	808.708.000	808.708.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	358.708.000	358.708.000
Khấu hao trong kỳ	6.854.839	6.854.839
Số dư cuối kỳ	365.562.839	365.562.839
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	443.145.161	443.145.161

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu quý	
	VND		VND	
	Tỷ lệ đầu tư %	Số lượng Giá trị	Tỷ lệ đầu tư %	Số lượng Giá trị
Đầu tư dài hạn khác				
Công ty Cổ phần đầu tư Đèo Cả (i)	5	20.730.000 211.500.000.000	5	20.730.000 211.500.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa (ii)	30	11.580.000 120.000.000.000	30	11.580.000 120.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		9.150.000 91.500.000.000		9.150.000 91.500.000.000
		(16.786.341.273)		(21.193.098.267)
		<u>20.730.000</u>		<u>194.713.658.727</u>
		<u>20.730.000</u>		<u>190.306.901.733</u>

- (i) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang trích lập dự phòng đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả ("Công ty Đèo Cả") dựa trên kết quả báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả tự lập.
- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa ("Công ty Đèo Cả - Khánh Hòa") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013 và Giấy chứng nhận sửa đổi gần nhất ngày 22 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ 305 tỷ VND. Theo Thỏa thuận liên danh từ năm 2013, Công ty chiếm 50% vốn điều lệ của Công ty Đèo Cả - Khánh Hòa, trong đó có 20% giá trị vốn góp là Công ty đại diện đứng tên cho các nhà đầu tư ủy thác của Công ty. Khoản đầu tư này được Công ty nắm giữ không nhằm mục đích kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể, do đó Công ty phân loại khoản đầu tư này là đầu tư dài hạn khác.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 11 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Theo giấy phép điều chỉnh	Vốn đã góp	
		Số dư cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND %	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu quý VND
Nhà đầu tư trong nước	2.817.262.794	1.894.717.723
Nhà đầu tư nước ngoài	18.979.547	10.541.823
	2.836.242.341	1.905.259.546

17. DANH MỤC NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu quý VND
Nhà đầu tư trong nước	850.928.978.563	712.163.978.563
Nhà đầu tư nước ngoài	3.588.438.132	3.588.438.132
	854.517.416.695	715.752.416.695

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu quý VND
Các khoản phải trả của Nhà đầu tư ủy thác	1.752.441.656	1.102.859.644
	1.752.441.656	1.102.859.644

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Q4/2022 VND	Q4/2021 VND
Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ ĐTCK và Công ty ĐTCK	136.982.016	592.571.161
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	483.619.861	1.414.560.498
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	480.000.000
Doanh thu khác	98.800.000	-
	719.401.877	2.487.131.659

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Q4/2022	Q4/2021
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	24.213	422.340.982
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	5.279.801	1.575.087.273
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	106.113.369
	5.304.014	2.103.541.624

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Q4/2022	Q4/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	751.654.115	1.480.284.135
Doanh thu hoạt động tài chính khác	33.360.471.900	-
	34.112.126.015	1.480.284.135

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Q4/2022	Q4/2021
	VND	VND
Chi phí mua bán chứng khoán	-	-
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	17.158.705.673	(2.474.074.900)
Chi phí tài chính khác	5.787.046	66.400.735
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-
	17.164.492.719	(2.407.674.165)

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Q4/2022	Q4/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.235.646.262	9.419.217.809
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	179.120.142	302.795.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.357.944	72.012.992
Thuế, phí, lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	678.801.516	707.968.505
Chi phí khác bằng tiền	597.637.079	832.839.210
	7.765.562.943	11.334.834.062

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TNDN)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<u>Q4/2022</u> VND	<u>Q4/2021</u> VND	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	9.884.642.325	(7.175.054.732)	2.225.662.584	68.394.761.417
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế				
Trừ: Thu nhập không chịu thuế: cổ tức bằng tiền từ CP	-		(101.537.200)	(9.032.477.200)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-	149.421.346	171.769.005
Chuyển lỗ	-	-	-	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.884.642.325	(7.175.054.732)	2.273.546.730	59.534.053.222
Thuế suất	20%	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	454.709.346	11.906.810.644	454.709.346	11.906.810.644
Thuế TNDN (được hoàn)/phải trả đầu năm			(334.000.000,00)	1.029.377.244
Thuế TNDN đã trả trong năm				8.908.250.163
Điều chỉnh theo BB kiểm tra thuế năm 2021			-	155.650.938
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-	120.709.346,00	4.183.588.663

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Việt Nam
Quỹ đầu tư giá trị Việt Nam
Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam
Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
Công ty TNHH MTV Vàng Bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Mối quan hệ

Ngân hàng mẹ
Quỹ do Công ty quản lý (*)
Quỹ do Công ty quản lý (*)
Quỹ do Công ty quản lý
Công ty Có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty Có cùng Ngân hàng mẹ

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(*) Công ty dừng quản lý các quỹ này kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2022.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Q4/2022	Q4/2021
	VND	VND
Doanh thu quản lý quỹ ủy thác đầu tư	136.872.202	589.566.572
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	313.929.023
Quỹ đầu tư giá trị Việt Nam	-	247.420.092
Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam	136.872.202	28.217.457
Lãi tiền gửi ngân hàng	748.767.162	1.091.003.380
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	748.734.149	1.089.333.552
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	33.013	1.669.828
Mua chứng chỉ quỹ	50.000.000.000	-
Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	50.000.000.000	-
Phí lưu ký chứng khoán và phí giao dịch	5.381.926	195.677.632
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	5.381.926	195.677.632

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền gửi không kỳ hạn	133.801.329.929	1.935.556.488
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	133.739.404.507	1.767.214.598
CTCP Chứng khoán ngân hàng Công thương Việt Nam	61.925.422	168.341.890
Tiền gửi có kỳ hạn	-	162.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	162.000.000.000
Quản lý vốn ủy thác đầu tư	30.528.262	30.593.492
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	30.171.297	30.171.279
Công ty TNHH MTV Vàng Bạc đá quý Ngân hàng TMC Công thương Việt Nam	356.965	422.213
Quản lý quỹ đầu tư	54.475.699.510	262.917.946.856
Quỹ đầu tư Khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	203.975.287.278
Quản lý Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam	54.475.699.510	4.195.318.657
Quản lý Quỹ đầu tư giá trị Việt Nam	-	54.747.340.921
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư CK và quản lý Cty		
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam	46.205.202	

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tầng 6, Trung tâm Thương mại Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công ty được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc & Chủ tịch Công ty và Thù lao	3.828.581.700	3.691.151.300
BKS, HĐTV	<u>3.828.581.700</u>	<u>3.691.151.300</u>

Đào Thị Yến
Người lập biểu

Hoàng Thị Dung
Kế toán trưởng

Phan Hải Sâm
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 01 năm 2023
